

PHỤ LỤC 05
DỰ TOÁN KINH KHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC TẠI CÁC SỞ SỞ GDNN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Tờ trình /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Dự kiến kinh phí hỗ trợ đối với trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (03 năm hỗ trợ 25.937 người, số tiền: 51.874.000.000 đồng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Đối tượng được hỗ trợ	Mức hỗ trợ/người	Dự kiến số học viên tham gia học nghề	Tổng số tiền dự kiến hỗ trợ	Ghi chú
1	Năm 2025		7.600	15.200.000	
	- Người học tại các cơ sở GDNN	2.000	3.600	7.200.000	Tham khảo báo cáo tuyển sinh các năm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh
	- Người học tốt nghiệp THCS, THPT	2.000	1.900	3.800.000	Tham khảo số liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Số lao động thất nghiệp tìm kiếm được việc làm mới tại các doanh nghiệp (không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ học nghề theo quy định tại Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg)	2.000	1.000	2.000.000	Theo thống kê của Trung tâm DVVL-GDNN Hải Dương về số người thất nghiệp tìm được việc làm mới
	- Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trở về nước	2.000	1.100	2.200.000	Số liệu thống kê người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài trở về nước trên phần mềm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2	Năm 2026		8.595	17.190.000	
	- Người học tại các cơ sở GDNN	2.000	4.140	8.280.000	
	- Người học tốt nghiệp THCS, THPT	2.000	2.185	4.370.000	
	- Số lao động thất nghiệp tìm kiếm được việc làm mới tại các doanh nghiệp (không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ học nghề theo quy định tại Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg)	2.000	1.000	2.000.000	
	- Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trở về nước	2.000	1.270	2.540.000	
3	Năm 2027		9.742	19.484.000	
	- Người học tại các cơ sở GDNN	2.000	4.762	9.524.000	
	- Người học tốt nghiệp THCS, THPT	2.000	2.515	5.030.000	
	- Số lao động thất nghiệp tìm kiếm được việc làm mới tại các doanh nghiệp (không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ học nghề theo quy định tại Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg)	2.000	1.000	2.000.000	
	- Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trở về nước	2.000	1.465	2.930.000	
	Tổng cộng		25.937	51.874.000	

II. Dự kiến kinh phí hỗ trợ đối với trình độ cao đẳng, trung cấp (03 năm hỗ trợ 5.323 người, số tiền: 47.067.000.000 đồng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

A. Hỗ trợ người học trình độ cao đẳng, trung cấp một số ngành nghề thuật truyền thống và đặc thù, một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, ... theo quy định tại mục I, phụ lục 04 (đã bao gồm thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an)

TT	Trình độ	Mức hỗ trợ/người	Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng hỗ trợ 04 năm (2027-2030)	
			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
1	Cao đẳng	7.000		-	1.140	7.980.000	1.311	9.177.000	1.508	10.556.000	2.451	17.157.000
2	Trung cấp	5.000	345	1.725.000	397	1.985.000	457	2.285.000	526	2.630.000	1.199	5.995.000
Cộng kinh phí			345	1.725.000	1.537	9.965.000	1.768	11.462.000	2.034	13.186.000	3.650	23.152.000

B. Hỗ trợ người học là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp thuộc danh mục các nghề hỗ trợ quy định tại mục II, phụ lục 04

TT	Trình độ	Mức hỗ trợ/người	Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng hỗ trợ 04 năm (2027-2030)	
			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
1	Cao đẳng	20.000		-	162	3.240.000	186	3.720.000	214	4.280.000	348	6.960.000
2	Trung cấp	13.000	33	429.000	38	494.000	44	572.000	51	663.000	115	1.495.000
Cộng kinh phí			33	429.000	200	3.734.000	230	4.292.000	265	4.943.000	463	8.455.000

C. Hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp thuộc danh mục các nghề hỗ trợ quy định tại mục II, phụ lục 04, Từ trình này

TT	Trình độ	Mức hỗ trợ/người	Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		Tổng hỗ trợ 04 năm (2027-2030)	
			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
1	Cao đẳng	14.000		-	425	5.950.000	489	6.846.000	562	7.868.000	914	12.796.000
2	Trung cấp	9.000	85	765.000	98	882.000	113	1.017.000	130	1.170.000	296	2.664.000
Cộng kinh phí			85	765.000	523	6.832.000	602	7.863.000	692	9.038.000	1.210	15.460.000

Kinh phí hỗ trợ trình độ CD, TC (A+B+C): 47.067.000

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách (I+II) 98.941.000

III Căn cứ tính mức hỗ trợ

Đơn vị tính: Đồng

1. Đối với các ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

TT	Trình độ	Mức thu học phí bình quân/tháng	Mức hỗ trợ người học ngành nặng nhọc, độc hại (30% mức thu học phí)
1	Cao đẳng	930.000	7.000.000
2	Trung cấp	830.000	5.000.000

2. Đối với các ngành nghề khác

TT	Trình độ	Mức thu học phí bình quân/tháng	Mức hỗ trợ người học là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ công an, quân sự	Mức hỗ trợ người học không thuộc 02 đối tượng trên (50% - 70% mức thu học)
1	Cao đẳng	800.000	20.000.000	14.000.000
2	Trung cấp	650.000	13.000.000	9.000.000